TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 11

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số lớn nhất trong các số 197, 179, 116, 198 là:

A. 198 **B.** 179 **C.** 116 **D.** 197

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số «ba trăm mười bốn» viết là:

A. 3014 **B.** 413 **C.** 341 **D.** 314

Câu 3. *(0,5 điểm)* Kết quả của phép chia 36 : 6 là:

A. 6 **B.** 5 **C.** 30 **D.** 7

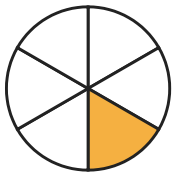
Câu 4. *(0,5 điểm)* Gấp 15 lên 5 lần được:

A. 20 **B.** 75 **C.** 90 **D.** 80

Câu 5. *(0,5 điểm)* Giảm 90 đi 9 lần được:

A. 810 **B.** 10 **C.** 11 **D.** 81

Câu 6. *(0,5 điểm)* Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?

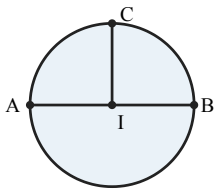


A. 1/8 **B.** 1/3 **C.** 1/6 **D.** 1/5

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 7 m = ……. dm

A. 70 **B.** 7 **C.** 700 **D.** 7000

Câu 8. *(0,5 điểm)* Trong hình bên, đường kính AB dài 18 dm. Bán kính IC dài:



A. 10 dm **B.** 9 dm **C.** 36 dm **D.** 18 dm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Tính giá trị của biểu thức:

a) 240 + 41 × 4 = …….

b) 109 − 20 : 4 = …….

c) (61 + 48) × 4 = …….

Câu 10. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 1 trăm, 6 chục, 3 đơn vị viết là: …….

b) Số lớn nhất trong các số 905, 391, 401, 461, 868 là: …….

c) Số bé nhất trong các số trên là: …….

d) Số liền sau của số lớn nhất ấy là: …….

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 16, 24, 32, ……., ……., 56

b) 339, 439, ……., 639, 739, …….

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 3 m = ……. cm

b) 40 mm = ……. cm

c) 9 l = ……. ml

d) 2 dm 5 cm = ……. cm

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 5 cm thì đường kính là ……. cm.

b) Hình tròn có đường kính 20 dm thì bán kính là ……. dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 32 mm. Đoạn MB dài ……. mm.

Câu 14. *(1 điểm)* Tổ Một trồng được 33 cây. Tổ Hai trồng được gấp 3 lần số cây của tổ Một. Hỏi cả hai tổ trồng được bao nhiêu cây?

a) Tổ Hai trồng được: ……. cây

b) Cả hai tổ trồng được: ……. cây

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 11

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	D	A	B	B	C	A	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 240 + 41 × 4 = 240 + 164 = 404

b) 109 − 20 : 4 = 109 − 5 = 104

c) (61 + 48) × 4 = 109 × 4 = 436

Câu 10.

a) 163

b) Số lớn nhất là 905

c) Số bé nhất là 391

d) 905 + 1 = 906

Câu 11.

a) Đếm thêm 8: 16, 24, 32, 40, 48, 56

b) Mỗi số hơn số trước 100 đơn vị: 339, 439, 539, 639, 739, 839

Câu 12.

a) 3 m = 300 cm (vì 1 m = 100 cm)

b) 40 mm = 4 cm (vì 10 mm = 1 cm)

c) 9 l = 9000 ml (vì 1 l = 1000 ml)

d) 2 dm 5 cm = 25 cm (vì 1 dm = 10 cm)

Câu 13.

a) 5 × 2 = 10 (cm)

b) 20 : 2 = 10 (dm)

c) 32 : 2 = 16 (mm)

Câu 14.

Tổ Hai: 33 × 3 = 99 (cây)

Cả hai tổ: 33 + 99 = 132 (cây)